

Lồng ghép đào tạo kỹ năng mềm trong hoạt động dạy học thời đại 4.0 tại Trường Đại học Trà Vinh

Dương Kim Ngọc

ThS. Trường Đại học Trà Vinh

Received: 8/1/2024; Accepted: 12/1/2024; Published: 15/1/2024

Abstract: The article focuses on realizing a flexible university teaching model and adapting to industry 4.0 trends. This study emphasizes the integration of soft skills such as creative thinking, problem solving skills,... in courses. In this way, students not only learn specialized knowledge but also develop the skills necessary for the modern industrial world. From there, the author develops a method of integrating the training of soft skills in the university teaching process, as well as proposes solutions when applying this integrated method at Tra Vinh University.

Keywords: Soft skills, soft skills training, integrate soft skills, university teaching activities.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, học đại học ở nước ta khá thuận tiện. Tuy nhiên, việc đào tạo ở bậc Đại học vẫn còn nhiều bất cập khi chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế công việc. Sinh viên (SV) bậc Đại học có kiến thức chuyên môn khá tốt, có hiểu biết về công việc nhưng khi đi vào thực tế thì gặp lúng túng. Khi SV đã thành thạo công việc thì khả năng tư duy sáng tạo, khả năng giao tiếp, làm việc nhóm và quản lý thời gian lại không có hoặc có không nhiều; kỹ năng (KN) hòa nhập, hội nhập môi trường còn yếu và không thể thích ứng với những cái mới, KN duy trì sự thành công không cao. Hàng loạt sự chênh lệch kể trên giữa kiến thức đào tạo ở bậc Đại học và thực tế công việc là do SV đang thiếu các KN mềm để hòa nhập, duy trì và phát triển trong thời đại Công nghiệp 4.0 hiện nay. Vì vậy, các trường đại học nói chung, Trường Đại học Trà Vinh nói riêng cần phải sớm có những giải pháp lồng ghép đào tạo KN mềm trong hoạt động giảng dạy để giúp SV có thể nâng cao trải nghiệm học tập, tự tin hơn khi đối mặt với thách thức, sớm thích nghi để thành công trong công việc sau khi hoàn thành chương trình giáo dục bậc Đại học, giúp họ trở thành những công dân toàn diện trong xã hội. Đồng thời cũng nhấn mạnh vai trò của người giảng viên (GV) trong việc hướng dẫn, tạo điều kiện cho SV phát triển không chỉ về mặt học thuật mà còn về mặt cá nhân.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kỹ năng mềm thời đại Công nghiệp 4.0

Theo định nghĩa của UNESCO, học có 4 chức năng là “học để biết, học để làm, học để sống cùng nhau và học để tồn tại”. Còn theo sáng kiến giảng dạy CDIO được đề xuất bởi Học viện MIT và một số trường Bắc Âu, có 4 chuẩn đầu ra của việc học đó là

“Kiến thức, Kỹ năng cá nhân, Kỹ năng làm việc nhóm và Kỹ năng ứng dụng hệ thống CDIO trong thực tế xã hội”. CDIO nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lồng ghép KN cá nhân, KN nhóm và kỹ năng CDIO vào giảng dạy các môn học.

KN mềm của người học theo yêu cầu của thời đại công nghiệp 4.0 gồm 3 nhóm sau:

(i) **Nhóm KN tồn tại:** có 4 kỹ năng (KN)

- *KN học đại học:* là các KN làm việc nhóm để hoàn thành đề tài nghiên cứu tập thể, KN tìm kiếm thông tin, kiến thức, tự luận để hoàn thành các chuyên đề nghiên cứu cá nhân, các bài tập tình huống và mô phỏng. KN học đại học không chỉ cần thiết cho giai đoạn học đại học mà còn có giá trị trong cuộc sống sau này, đó là KN học tập, thụ lĩnh kiến thức trước một PP mới, vấn đề mới trong công việc.

- *KN hoàn thành:* giúp ta biết cách nhìn nhận mục tiêu, hiểu được ngữ cảnh, không bỏ cuộc và nỗ lực hoàn thành công việc, kế hoạch đã đề ra. KN hoàn thành cần phải được xây dựng thành thói quen ở mỗi sinh viên và đây là KN nền tảng trong mọi công việc và cuộc sống.

- *KN thích nghi:* là một KN quan trọng cần phải có trong xã hội hiện đại. KN thích nghi là biết chấp nhận, hòa nhập nhanh với môi trường, biết cách vượt qua thử thách, xung đột văn hóa để tiến lên trong công việc. KN thích nghi còn là KN toàn cầu khi toàn cầu hóa đã khá phổ biến.

- *KN kiểm soát cảm xúc:* là khả năng quản lý và điều chỉnh hiệu quả những trạng thái tâm lý và cảm xúc của bản thân. Nó bao gồm khả năng nhận biết, hiểu rõ và ứng xử một cách tích cực trong mọi tình huống.

(ii) **Nhóm KN hội nhập:** có 3 kỹ năng

- *KN trang bị nghiệp vụ*: là tập hợp các KN và kiến thức chuyên sâu cần thiết mà sinh viên phải trang bị và tích lũy cả một quá trình. Điều này bao gồm việc nắm bắt và cập nhật kiến thức ngành, KN thực hành, giao tiếp linh hoạt, khả năng giải quyết vấn đề, tìm kiếm thông tin yêu cầu về công việc tương lai của ngành nghề học, các nghiệp vụ cần có,... và biến các yêu cầu đó thành các chứng chỉ nghiệp vụ. Có như vậy hành trang chứng chỉ nghiệp vụ mềm của cá nhân mới vượt trội so với nhu cầu lao động xã hội đặt ra.

- *KN công nghệ*: là KN cơ bản trong xã hội hiện đại ngày nay. KN công nghệ đề cập đến khả năng sử dụng và làm chủ các công nghệ thông tin và truyền thông. Điều này bao gồm: KN làm việc với phần mềm, KN tìm kiếm thông tin, sử dụng các ứng dụng, xử lý dữ liệu, giải quyết vấn đề kỹ thuật, thao tác trên các nền tảng kết nối xã hội để thích nghi với môi trường và đáp ứng cho nhu cầu công việc.

- *KN tư duy toàn cầu*: đề cập đến khả năng hiểu và đánh giá thông tin một cách toàn diện, xuyên suốt nhiều lĩnh vực và ngữ cảnh khác nhau. Nó bao gồm khả năng phân tích, tổng hợp thông tin và hiểu biết về các vấn đề toàn cầu để đưa ra quyết định thông thái và có tầm nhìn rộng lớn.

(iii) Nhóm KN phát triển và duy trì sự phát triển: có 7 KN

- *KN khác biệt hóa*: là khả năng phát triển và thể hiện những ưu điểm, đặc điểm nổi bật cá nhân, tạo ra sự độc đáo và giá trị riêng trong công việc hoặc cuộc sống. Điều này thường bao gồm sự sáng tạo, linh hoạt và khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng. KN khác biệt hóa bản thân là sự cần thiết trong xã hội cạnh tranh hiện nay.

- *KN kiến tạo tầm nhìn*: là khả năng xây dựng và phát triển một tầm nhìn chiến lược, đặt ra mục tiêu dài hạn và xác định hướng đi cho bản thân hoặc tập thể. Điều này bao gồm khả năng phân tích xu hướng, dự đoán thị trường và tạo ra chiến lược linh hoạt để đạt được mục tiêu lớn. KN kiến tạo tầm nhìn sẽ giúp con người nâng lên một tầm cao mới trong công việc và cuộc sống, đặc biệt nó giúp chúng ta vượt qua những khó khăn thử thách.

- *KN sống thân thiện, chan hòa*: Ngày nay, yếu tố cho thành công không chỉ là IQ, mà nhiều nghiên cứu đã chứng minh, để thành công bền vững và lâu dài thì không thể thiếu sự góp phần của EQ - trí tuệ cảm xúc.

- *KN học tập tự động*: là khả năng tự quản lý quá trình học tập một cách hiệu quả và tự chủ. Nó bao gồm khả năng đặt mục tiêu học tập, lập kế hoạch, tự đánh giá và sử dụng các phương tiện học tập một cách có

tự kiểm soát. KN này giúp cá nhân tự tin và linh hoạt trong việc nắm bắt kiến thức mới và phát triển bản thân qua quá trình học.

- *KN liên kết ngành*: Xã hội phát triển do đó yêu cầu năng lực cá nhân cũng đòi hỏi nhiều hơn; không chỉ giỏi chuyên môn trong ngành nghề, lĩnh vực của mình mà thành công được, mà còn cần có sự hiểu biết khá sâu rộng đối với các lĩnh vực khác có liên quan. Các ngành nghề có sự đan xen liên kết lẫn nhau.

- *KN tạo lập nhóm*: KN làm việc nhóm là KN cơ bản trong môi trường làm việc hiện nay. Ngày nay, nếu bạn chỉ có KN làm việc nhóm thì chưa đủ, để thành công, bạn phải trang bị cho mình KN tạo lập nhóm làm việc. Ta không thể đi một mình nếu muốn đi xa, cần phải có đội nhóm, chỉ có KN tạo lập đội nhóm làm việc tốt mới giúp ta đạt được những mục tiêu to lớn trong công việc.

- *KN duy trì tư duy sáng tạo*: PP để thành công nói tiếp thành công trong công việc là sự duy trì và phát triển khả năng sáng tạo và tư duy sáng tạo trong thời gian dài. Điều này bao gồm việc nuôi dưỡng sự linh hoạt, khéo léo và khả năng tìm kiếm giải pháp độc đáo trong môi trường làm việc hoặc cuộc sống hằng ngày. KN duy trì tư duy sáng tạo là KN mới trong môi trường làm việc hiện đại ngày nay.

2.2. Hướng tiếp cận lồng ghép đào tạo KN mềm trong hoạt động giảng dạy đại học

Trong phạm vi bài viết này, tác giả không đi sâu vào nghiên cứu phân tích các kỹ năng mềm (KNM) thời đại 4.0 mà tập trung phân tích hướng tiếp cận lồng ghép đào tạo KNM trong hoạt động giảng dạy đại học. Với số lượng lớn KNM cần trang bị và các KN này luôn biến động theo yêu cầu xã hội, việc đào tạo KNM chỉ có thể hiệu quả khi được giảng dạy lồng ghép với các hoạt động giảng dạy kiến thức đại học. Quá trình đào tạo KNM đi từ: (i) *Nhận thức* - về KN mềm; (ii) *Tự tư duy* - hiểu được vai trò ý nghĩa của KN mềm; (iii) *Hành động* - thực hành KN mềm.

* **Đào tạo nhận thức về KN mềm**: là quá trình đưa nhận thức, khái niệm KNM đến SV. Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, GV cần đan xen giảng dạy kiến thức với đào tạo khái quát các KNM cần có, đặc biệt là nhóm KN tồn tại, nhằm nâng cao nhận thức của SV đối với sự tồn tại của các KNM trong cuộc sống và công việc.

SV trong giai đoạn nửa đầu của thời gian học đại học thường có những thay đổi lớn về thói quen, về cuộc sống, về cách học nên sẽ dễ rơi vào trạng thái chán nản, bỏ học nếu không có PP học tập đúng cách, không thích nghi được. Trong giai đoạn tâm lý

này, nhiều em chưa biết cách kiểm soát cảm xúc của mình, đặc biệt là trong môi trường xa nhà, tự lập, tự chủ. Vì vậy, đào tạo nhóm KN sống, KN tồn tại thông qua các môn học là rất cần thiết đối với các SV trong giai đoạn này.

* **Đào tạo tự tư duy về KN mềm:** là quá trình khơi gợi sự tự tư duy, tự tìm hiểu của SV về các yêu cầu công việc và KN nào cần có để đáp ứng công việc. Khi giảng dạy các môn học lý thuyết, GV cần lồng ghép đào tạo KNM thông qua làm việc nhóm, phân tích tình huống, ngữ cảnh. Chú trọng đào tạo nhóm KN hội nhập để SV từng bước tự tư duy về ý nghĩa của việc học và làm việc, ứng dụng của việc học vào công việc, cuộc sống. Từ đó, SV sẽ tự tìm hiểu các yêu cầu đòi hỏi của xã hội và sẽ tự trang bị cho mình các kiến thức nghiệp vụ cần có, nâng cao năng lực công nghệ, KN tư duy toàn cầu cho bản thân.

SV giai đoạn nửa cuối thời gian đại học đã bắt đầu học các môn học chuyên ngành mang tính thực tế cao. Vì vậy, GV cần đẩy mạnh hướng dẫn môn học là chính, ứng dụng làm việc nhóm trong giảng dạy môn học, cần khơi gợi SV tìm hiểu nhu cầu xã hội về công việc liên quan đến môn học. Qua đó giúp SV nâng cao KN tự tư duy thực tế nghề nghiệp và bổ sung những KN cần có để làm việc, dưới sự hướng dẫn của GV.

* **Đào tạo hành động KN mềm:** là quá trình ứng dụng thực hành KNM vào thực tế công việc được đào tạo. Giai đoạn đào tạo này chủ yếu là SV năm cuối sắp ra trường với các môn chuyên ngành, thực tập ngành nên có sự vận dụng rất cao vào thực tế công việc. Vì vậy, khi đào tạo các chuyên đề thực tập, chuyên đề tốt nghiệp, GV cần phải lồng ghép với đào tạo KNM, đặc biệt nhóm KN phát triển và duy trì sự phát triển thông qua hướng dẫn SV thực hành trình bày nhóm, thực hiện mô phỏng ứng dụng môn học vào thực tế công việc.

Thành công của giáo dục là tạo ra được sự khác biệt trong nhận thức và hành động giữa trước và sau khi đào tạo người học. Vì vậy, đào tạo để người học sau khi tốt nghiệp đại học nhận thức được sự khác biệt, tạo ra được sự khác biệt trong ứng dụng kiến thức học vào thực tế công việc là một thành công lớn của GV và nhà trường. Việc sử dụng các môn học đại học để làm phương tiện đào tạo thực hành KNM sẽ giúp cho người học nâng cao được KN phát triển và duy trì sự phát triển sau khi tốt nghiệp ra trường.

3. Kết luận

Để thành công trong PP tiếp cận lồng ghép đào tạo KNM trong hoạt động giảng dạy đại học, cần có sự nỗ lực tham gia của các thành phần: GV, SV và

Ban giám hiệu nhà trường. Sau đây, tác giả xin đề xuất một số giải pháp nhằm làm tăng tính hiệu quả của PP như sau:

Một là, GV nâng tỷ lệ đào tạo KNM trong thời lượng giảng dạy đại học, cụ thể có thể chia giảng dạy kiến thức cứng 50%-60% thời lượng môn học, chỉ giảng dạy những điểm trọng yếu là chính, 20%-30% thời lượng dành cho đào tạo KNM và 10%-20% là thực hành KNM. Tỷ lệ đào tạo KNM có thể tăng lên theo cấp độ và tính chất của môn học.

Hai là, lồng ghép nội dung KNM trong từng nội dung môn học. Nội dung giảng dạy môn học phải thiết kế bao hàm được các thành phần: học để biết, học để làm, học để sống cùng nhau, học để tồn tại. Trong đó cần nhấn mạnh các khía cạnh học để sống cùng nhau và học để tồn tại trong nội dung giảng dạy.

Ba là, phải đẩy mạnh các hoạt động làm việc nhóm, hoạt động ngoại khóa ứng dụng, trao đổi chủ động môn học cho SV. GV cần tổ chức lớp học theo mô hình làm việc nhóm, trình bày nhóm, thực hiện các tiết học mô phỏng giả lập thực tế, tạo lập môi trường câu lạc bộ và tạo ra sản phẩm môn học. Khi môi trường trao đổi hai chiều trong học tập hình thành thì các KNM sẽ tự động hoàn thiện, phát triển ở từng người học.

Bốn là, SV phải nhận thức, đánh giá đúng tầm quan trọng của việc đào tạo KNM, chú tâm trau chuốt rèn luyện KNM trong thời gian học đại học, từ đó phát triển trong tương lai.

Năm là, Ban Giám hiệu nhà trường phải có chủ trương thực hiện, thời gian và nguồn lực để thực hiện, từ đó tạo tiền đề, thói quen lồng ghép đào tạo KNM trong giảng dạy của đội ngũ GV.

Tài liệu tham khảo

1. Australian National Training Authority (2018). *Defining generic skills at a glance*
2. The National Centre for Vocational Education Research (2019). *The Development of Employability skills in novice workers*
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng tại các cơ sở GDMN, GDPT và GDTX*. Hà Nội
4. Delors, J (1996). *Learning – the Treasure Within: Report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-First Century*. UNESCO Publishing, Paris, France
5. Edward F.Crawley, William A. Lucas, Johan Mailmqvist, Doris R. Brodeur (2011). *The CDIO Syllabus v2.0 An Updated Statement of Goals for Engineering Education*.